

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (giai đoạn 1 thuộc Nhóm dự án số 3) - Giai đoạn 1

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14, Luật số 45/2024/QH15; Luật số 47/2024/QH15; Luật số 55/2024/QH15; Luật số 61/2024/QH15; Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền, trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh; số 67/2022/NĐ-CP ngày 21/9/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Thanh Hóa: Số 158/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 về chủ trương đầu tư Dự án bảo tồn, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (Nhóm dự án số 3, giai đoạn 1); số 325/NQ-HĐND ngày 19/11/2022 về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án bảo tồn, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (Nhóm dự án số 3, giai đoạn 1);

Căn cứ các Công văn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Số 3956/BVHTTDL-DSVH ngày 17/9/2024 về dự án bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn

tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hoá thế giới Thành Nhà Hồ (giai đoạn 1, thuộc nhóm dự án số 3), tỉnh Thanh Hóa; số 2150/BVHTTDL-DSVH ngày 15/5/2025 về việc dự án bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hoá thế giới Thành Nhà Hồ (giai đoạn 1 thuộc Nhóm dự án số 3), tỉnh Thanh Hóa; số 4267/BVHTTDL-DSVH ngày 20/8/2025 về việc dự án bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hoá thế giới Thành Nhà Hồ (giai đoạn 1 thuộc Nhóm dự án số 3), tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7426/TTr-SXD ngày 28/8/2025 về việc phê duyệt dự án Bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (giai đoạn 1 thuộc Nhóm dự án số 3) - Giai đoạn 1 (kèm theo hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (giai đoạn 1 thuộc Nhóm dự án số 3) - Giai đoạn 1 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (giai đoạn 1 thuộc Nhóm dự án số 3) - Giai đoạn 1.

2. Địa điểm xây dựng: Khu Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (nay là Xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hóa).

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm tra:

- Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty cổ phần Xây dựng và Phục chế công trình văn hóa, Viện Bảo tồn di tích, Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư phát triển Bắc sông Mã.

- Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hoá.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm B, loại công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Bảo tồn vững chắc và phát huy giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ nhằm phục vụ mục tiêu phát triển du lịch và kinh tế - xã hội của tỉnh; đưa Di sản trở thành điểm tham quan du lịch trọng điểm quốc gia và khu vực.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

8.1. Quy mô đầu tư:

- Giai đoạn 1: Đầu tư các hạng mục: (1) Khu trưng bày khảo cổ điện Hoàng Nguyên; (2) Tu bổ, phục hồi Hào thành phía Nam (gồm cả Vệ thành); (3) Tu bổ, phục hồi đường Hoàng Gia; (4) Tu bổ, chống thấm Cổng Nam; (5) Đường giao thông nội bộ; (6) Cây xanh cảnh quan, điện chiếu sáng và hạ tầng kỹ thuật.

- Giai đoạn 2: Đầu tư các hạng mục: (7) Phục hồi, tôn tạo Đông Thái Miếu; (8) Phục hồi, tôn tạo Tây Thái Miếu; (9) Phục hồi cầu Nam Thành.

8.2. Giải pháp thiết kế cụ thể (giai đoạn 1) như sau:

8.2.1. Hạng mục Khu trưng bày khảo cổ Điện Hoàng Nguyên 9.000m²

- Bảo tồn khảo cổ và phỏng dựng nền móng công trình Điện Hoàng Nguyên, có mặt bằng hình chữ Công với tổng diện tích phỏng dựng: 2832m² bao gồm: Nền móng, hệ thống chân tảng bằng đá xanh, bậc cấp xây gạch đặc, bó nền xây gạch vồ đất sét nung phục chế; nền điện đầm chặt K=0,9 rải đá 1x2 màu sáng; nền sân đầm chặt trồng cỏ; đường dạo bê tông giả đất,... Trưng bày 02 hố khảo cổ:

+ Hố khảo cổ ký hiệu 06 có kích thước 7,3mx9,0m sâu 2,35m (so với nền Điện Hoàng Nguyên); vách hố được xây dựng bằng gạch đặc trát vữa xi măng mác 75, quét sơn chống thấm. Phía trên mặt hố bố trí hệ mái che kính cường lực khung inox 304 (KT 40x80x2mm), bên trong bố trí đèn led chiếu sáng.

+ Hố khảo cổ ký hiệu số 07 có kích thước 7,0mx9,0m sâu 1,75m (so với nền Điện Hoàng Nguyên); vách hố được xây dựng bằng gạch đặc trát vữa xi măng mác 75, quét sơn chống thấm; phía trên mặt hố bố trí hệ mái che kính cường lực khung inox 304 (KT 40x80x2mm), bên trong bố trí đèn led chiếu sáng.

- Khu vực sân điện Hoàng Nguyên được bảo tồn nền móng khảo cổ, đồng thời xếp đá bó nền sân và rải đá 1x2 cấp phối đá dăm mặt sân; định vị 02 hố trồng cây hoa Đại (cây đại đỏ bên trái; cây đại trắng bên phải). Riêng trục đường thân đạo lát gạch đất sét nung phục chế KT: 420x420x45mm.

- Bảo tồn nền móng khảo cổ nền Vua: Đánh dấu vị trí nền, rải đá 1x2 cấp phối đá dăm, trồng cỏ phía trên.

8.2.2. Hạng mục: Khôi phục hào thành phía Nam

a) Tu bổ, phục hồi Hào thành phía Nam:

Hào thành phía Nam được Phục hồi toàn bộ theo đúng quy mô, tuyến hướng của hào thành phía Nam (gốc) và được phục hồi kéo dài thêm ở hai đầu điểm đầu nằm ở góc thành Đông Nam (thuộc hào Thành Đông, giáp rãnh dự án) và điểm cuối nằm ở góc thành Tây Nam (thuộc hào Thành Tây, giáp ranh dự án) có tổng chiều dài 1448,39m. Hào thành phía Nam có bề rộng đáy 47,90m bề rộng mặt trên (mép trong kè đá) là 55m. Kết cấu kè đá phục hồi có kết cấu như sau (Tính từ mặt ngoài vào trong bờ đất): Đá vôi xám xanh đục thô phẳng mặt có kích thước 300x350x300mm, bên dưới là lớp bê tông lót M100 đá 4x6 dày 15cm, giằng đỉnh bằng BTCT M200 đá 1x2, chân khay bằng BTXM M250 đá 1x2 trên lớp móng BTXM M150 và đá dăm đệm mỗi lớp dày 10cm.

b) Giải pháp thoát nước qua đường vào cổng Nam:

Xây dựng mới cống hộp BxH=(3,00x2,50)m qua đường vào cống Nam (Kích thước này phù hợp với kích thước cống thoát nước hiện trạng). Kết cấu cống cụ thể như sau: Thân cống bằng BTCT M300 đá 1x2, tường cánh, sân cống bằng BTCT M300 đá 1x2, móng cống bằng BTXM M150 đá 2x4 bên dưới đệm đá dăm dày 10cm, gia cố nền móng bằng cọc tre với mật độ 25 cọc/1m², chiều dài mỗi cọc L=2,50m.

c) Xây dựng mới nhà vệ sinh:

Công trình có quy mô 01 tầng, hai mái, đầu hồi bít đốc, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 6,1mx13,0m, bố trí 2 phòng vệ sinh nam/nữ riêng biệt. Chiều cao công trình là 5,1m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái). Nền lát gạch chống trơn; tường xây gạch, mặt tường trong ốp gạch men kính; mái lợp ngói mũi hài, sàn phụ đồ bê tông cốt thép đặt téc nước. Kết cấu móng sử dụng móng đơn bê tông cốt thép dưới cột, và móng băng gạch dưới tường, dầm móng bê tông cốt thép. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu bê tông cốt thép chịu lực cột, dầm, sàn bê tông cốt thép đổ tại chỗ. Các giải pháp cấp điện, cấp, thoát nước được thiết kế đồng bộ kèm theo.

8.2.3. Hạng mục: Tôn tạo đường Hoàng gia

- Xây dựng tu bổ, phục hồi đường Hoàng Gia gồm 02 tuyến với tổng chiều dài 615,70m gồm:

+ Tuyến 1: Đường Hoàng Gia phía Nam có điểm đầu Cống Nam, điểm cuối là điện Hoàng Nguyên có chiều dài 385,14m với quy mô mặt cắt ngang chủ yếu như sau: Bnền = 71,00m, Bmặt = 11,00m. Riêng đối với vị trí cống lớp một và cống lớp hai được thiết kế phù hợp với tổng mặt bằng và kích thước các lớp cống hiện trạng.

+ Tuyến 2: Đường Hoàng Gia phía Bắc có điểm đầu nền Vua, điểm cuối là cống Bắc có chiều dài 230,56m với quy mô mặt cắt ngang chủ yếu như sau: Bnền = 11,00m, Bmặt = 11,00m.

- Trục đường Hoàng Gia được tu bổ theo nguyên tắc tôn trọng quy mô, cao độ nền đường, vật liệu nguyên gốc và sử dụng tối đa các mặt lát, nền đường gốc còn tốt; chỉ bổ sung tu bổ cho phần đường bị khuyết thiếu, sụt lún, hư hại theo đúng quy mô và vật liệu,... của tuyến đường gốc đã xuất lộ qua các đợt khai quật khảo cổ. Tu bổ phục hồi đường Hoàng Gia bằng vật liệu đá xanh tương đồng với vật liệu nguyên gốc (chất liệu, kích thước, màu sắc, hình dáng, kiểu lát đá,...). Tuy nhiên, để có sự phân biệt giữa vật liệu đá mới và đá gốc, khi thi công tu bổ đường Hoàng Gia, thì vật liệu đá mới được đục khắc năm tu bổ ở phía dưới để tránh nhầm lẫn cho các giai đoạn tu bổ về sau.

8.2.4. Hạng mục: Tu bổ, chống thấm Cống Nam

- Chống thấm mái: tiến hành hạ giải lớp đá xanh hiện trạng kích thước 150x150x20 và lớp đá cubic, bóc dỡ lớp vữa lót và bờ máng nước hiện trạng, mở rộng lòng máng lên 400mm; vệ sinh bề mặt, bơm keo chống thấm vào các khe

mạch; làm lại lớp bê tông lót bằng vữa xi măng cát vàng dày 35 mác 100 dốc 2%, quét lại chống thấm mái, lát đá hoàn thiện 400x400x50mm.

- Chống thấm bề mặt tường cổng phía Nam và phía Bắc: vệ sinh bề mặt tường, bơm keo chống thấm phủ các mạch vữa.

- Chống thấm về mặt tường cổng phía Đông và phía Tây: Đào mở rộng tường thành phần tiếp giáp cổng đá đến chân móng tường cổng; vệ sinh bề mặt tường cổng; trát đất sét dẻo dày 200 ốp với tường đá đến cao trình +4,500m; xử lý chống thấm theo quy trình, lấp đất trồng cỏ như hiện trạng

8.2.5. Hạng mục: Đường giao thông nội bộ

- Xây dựng các tuyến đường giao thông trong khu vực theo quy hoạch tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án, có 05 tuyến đường cụ thể như sau:

+ Tuyến 1: Là tuyến kết nối cổng Tây, có điểm đầu cổng Tây và điểm cuối là khu nền Vua có chiều dài 377,53m. Quy mô mặt cắt từng đoạn cụ thể như sau:

- Đoạn 1: Km0+000,00 đến Km0+315,43 (Đoạn tuyến phục vụ xe điện) có $B_m=2 \times 2,75=5,50m$, $B_l=2 \times 1,00=2,00m$, $B_n=7,50m$.

- Đoạn 2: Từ Km0+315,43 đến Km0+377,53 (Đoạn tuyến đi bộ) có $B_m=4,50m$, $B_l=2 \times 1,00=2,00m$, $B_n=6,50m$.

+ Tuyến 2: Là tuyến kết nối cổng Đông, có điểm đầu khu nền vua và điểm cuối là cổng Đông có chiều dài 378,25m. Quy mô mặt cắt từng đoạn cụ thể như sau:

- Đoạn 1: Từ Km0+000,00 đến Km0+062,10 (Đoạn tuyến đi bộ) có $B_m=4,50m$, $B_l=2 \times 1,00=2,00m$, $B_n=6,50m$.

- Đoạn 2: Từ Km0+062,10 đến Km0+378,25 (Đoạn tuyến phục vụ xe điện) có $B_m=2 \times 2,75=5,50m$, $B_l=2 \times 1,00=2,00m$, $B_n=7,50m$.

+ Tuyến 3: Là tuyến đường xe điện vệ thành nằm ở phía hữu vệ Thành Nam, có điểm đầu nằm ở ranh giới dự án góc thành Tây Nam, điểm cuối cổng Nam có chiều dài 499,88m. Tuyến có quy mô mặt cắt ngang chủ yếu nền, mặt đường $B_n=B_m=3,60m$. Các vị trí tránh xe được mở rộng mặt thành $B_m=6,00m$.

+ Tuyến 4: Là tuyến đường nối cổng Nam và khu ban quản lý di tích có chiều dài 18,14m; tuyến có quy mô mặt cắt ngang chủ yếu nền, mặt đường $B_n=B_m=7,50m$.

+ Tuyến 5: Là tuyến đường xe điện vệ thành nằm ở phía tả vệ Thành Nam. Có điểm đầu kết nối với bãi đỗ xe điện điểm cuối ranh giới dự án nằm ở góc thành Đông Nam có chiều dài 273,71m. Tuyến có quy mô mặt cắt ngang chủ yếu nền, mặt đường $B_n=B_m=3,60m$. Các vị trí tránh xe được mở rộng mặt thành $B_m=6,00m$.

- Bình đồ hướng tuyến các tuyến được thiết kế phù hợp với tổng mặt bằng quy hoạch được duyệt. Kết quả tuyến 1, 2 và 4 không có đỉnh chuyển hướng,

tuyến 3 và 5 mỗi tuyến có 3 đỉnh chuyển hướng (01 đỉnh $R=20m$ và 02 đỉnh $R=30m$).

- Thiết kế trắc dọc: Trắc dọc các tuyến được thiết kế trên cơ sở cao độ trong tổng mặt bằng và kết nối với các công Đông và công Tây. Kết quả toàn bộ 05 tuyến đều có độ dốc dọc $i < 1\%$ và không bố trí đường cong đứng.

- Thiết kế nền đường: Nền đường chủ yếu là nền đường đắp được thiết kế theo đảm bảo theo quy định.

- Kết cấu áo đường:

- + Kết cấu 1: Áp dụng cho đoạn 1 tuyến 1 và đoạn 2 tuyến 2 với kết cấu như sau: Bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám (MC70) tiêu chuẩn 1,00Kg/m², cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm, đất nền đầm chặt K95 dày tối thiểu 30cm.

- + Kết cấu 2: Áp dụng cho các đoạn, các tuyến còn lại với kết cấu như sau: Bê tông xi măng giả đất M250 đá 1x2 dày 10cm, Bê tông xi măng M250 đá 1x1 dày 10cm, lớp Nilong ngăn cách, cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, đất nền đầm chặt K95 dày tối thiểu 30cm.

8.2.6. Hạng mục: Cây xanh cảnh quan, điện chiếu sáng và hạ tầng kỹ thuật

a) Trồng cây xanh:

Bổ sung trồng một số cây xanh dễ ăn nông (cây hoa đại, cây vôi, sim rừng, cây hoa mua, hoa ngâu, cây mẫu đơn, cây cẩm tú mai,...) để tạo cảnh quan đẹp, kết hợp trồng cỏ để bảo vệ mặt nền,... hài hòa với tổng thể cảnh quan chung trong khu vực Thành nội.

b) Công trình phụ trợ khác:

- Bố trí các công trình tiện ích cho du khách như: sơ đồ giới thiệu mặt bằng tổng thể thành, sơ đồ chỉ dẫn, biển báo di tích,... trên tuyến đường; nghiên cứu làm sa bàn để giới thiệu tổng thể di tích.

- Đánh dấu vị trí nền rải đá 1x2 cấp phối đá dăm, kết hợp trồng cỏ để bảo vệ mặt nền khảo cổ nền Vua (mặc dù khu vực nền Vua không được đầu tư trong giai đoạn 1 của Dự án nhóm 3; tuy nhiên, để định hình nền móng khảo cổ đã được khai quật và kết nối các hạng mục như công Nam, hào thành phía Nam, đường Hoàng Gia, điện Hoàng Nguyên, Đông - Tây Thái miếu, công Bắc, Tây, Đông và tổng thể cảnh quan trong khu vực Thành nội).

c) Hệ thống cấp điện

* Giải pháp cấp điện hạ thế:

- Nguồn cấp: Tại khu vực ban quản lý di tích có trạm biến áp có công suất 100kVA phục vụ sinh hoạt vận hành của ban quản lý di tích.

- Đối với dự án này do các vị trí như các nhà ban quản lý không xây mới, hệ thống cấp điện hiện tại đang vận hành tốt. Xây dựng các tuyến cáp ngầm cấp điện đến các vị trí mới cần cung cấp điện.

- Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE, đi trong đất ở độ sâu 1,05m. Rãnh rải cáp đào sâu 1,15m đối với cáp đi dưới lòng đường.

* Giải pháp cấp điện chiếu sáng:

- Nguồn cấp: Tủ điện chiếu sáng được cấp nguồn 0,4kV từ lưới điện hạ thế hiện có (trạm biến áp khu quản lý di tích) hiện trạng bằng đường cáp 0,4kV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x16mm².

- Cáp hạ thế dùng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV được luồn trong ống chịu lực HDPE chôn ở độ sâu 0,80m so với vỉa hè (lề đường) hoàn thiện, lưới ni lông bảo hộ cáp rộng 0,4m đặt cách mặt đất tự nhiên 0,20m. Đoạn cáp qua đường luồn trong ống bảo vệ chuyên dụng và cách mặt đường >1m.

- Đèn chiếu sáng cho đường nội bộ, bãi đỗ xe dùng loại bóng Led 80W hiệu suất phát quang >120lm/W (hoặc loại có các điều kiện kỹ thuật tương đương), Sân, đường dạo dùng đèn Led 30W tại mỗi vị trí cột lắp 01 đèn. Khoảng cách giữa 2 đèn trung bình 30m, các đoạn nút giao, đoạn uốn cong bố trí khoảng cách phù hợp.

- Toàn bộ hệ thống đèn chiếu sáng được điều khiển đóng cắt tại 01 tủ và theo thời gian được chỉ định trong tủ điều khiển chiếu sáng 0,4kV.

- Cột đèn chiếu sáng cho trục đường sử dụng loại cột thép bát giác tròn côn liền cần đơn cao 8m và hoặc cột rời cần D78 cao 6m + cần đôi cao 2m vươn 1,5m dày 3mm và được mạ nhúng kẽm, đặt cách mép đường 0,3-0,7m. Cột trang trí cao 3,5m đèn Led 30W thân cột bằng gang đúc phủ sơn tĩnh điện.

- Móng cột dùng loại móng bê tông đúc tại chỗ đặt tại vị trí vỉa hè (hoặc lề đất). Đúc móng bằng bê tông đá dăm mác M200.

d) Thiết kế hạ tầng kỹ thuật khác

Xây dựng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác, gồm: Kè đá và thoát nước khu vực đường Hoàng Gia phía Nam; các cống thoát nước các tuyến đường kết nối cổng Đông, cổng Tây và đường Hoàng Gia phía Bắc; san nền khu nền Vua.

- Xây dựng kè đá kết hợp với bờ đất hai bên đường Hoàng Gia phía Nam: Sau khi tu bổ, phục hồi đường Hoàng Gia phía Nam có cao độ thấp hơn cao độ ruộng canh tách hai bên đường. Vì vậy, để ngăn nước từ khu vực chảy vào đường Hoàng Gia cần xây dựng kè đá có chiều cao H=1,50m có chiều dài khoảng 788,42m kết hợp với bờ đất B=1,50m hai bên đường Hoàng Gia phía Nam.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước và thoát nước cho đường Hoàng Gia phía Nam gồm rãnh dọc kết hợp với ga thăm và ga (bể) gom và bơm nước ra ngoài khu vực. Rãnh thoát nước khẩu độ B=0,50m bằng BTCT M200 đá 1x2, thu nước bằng các ghi sắt mạ kẽm bằng thép hình, thép bản kết hợp với phủ mặt bằng đá phiến. Đối với đoạn rãnh dẫn ra bể thu gom có chiều dài 192m (gồm 02 bên) do đi chìm dưới mặt ruộng được đặt bằng tấm đan BTCT M250 đá 1x2. Ga gom nước có kích thước (2,50x2,50x2,50)m bằng BTCT M250 được đấu nối với rãnh B=0,50m, trên có nắp bằng Composite.

- Xây dựng các cống thoát nước cho các tuyến đường kết nối cống Đông, cống Tây và đường Hoàng Gia phía Bắc; các cống có tường đầu, tường cánh bằng BTXM M200 trên lớp cấp phối đá dăm đệm dày 10cm, thân cống bằng BTXM M200 có giằng đỉnh bằng cốt thép, thân được đặt trên lớp cấp phối đá dăm dày 10cm; các tấm bản được đổ tại chỗ bằng BTCT M250 đá 1x2.

- Thiết kế san nền: Khu nền vua; khu điện Hoàng Nguyên; khu Tả vệ, Hữu vệ Thành, vật liệu san nền là đất với độ chặt K90, cao độ san nền cụ thể như sau:

+ Đối với khu Nền Vua và điện Hoàng Nguyên: Cao độ san nền trung bình khu nền Vua khoảng +12,9; khu điện Hoàng Nguyên cao độ san nền trung bình trong khoảng +13,0 ÷ 13,8;

+ Đối với khu Tả vệ, Hữu vệ Thành: Cao độ san nền trung bình trong khoảng + 10,5 ÷ 12,5.

(Chi tiết như Hồ sơ thiết kế cơ sở).

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được Sở Xây dựng thẩm định tại 7396/SXD-HĐXD ngày 27/8/2025.

10. Tổng mức đầu tư (giai đoạn 1): 354.292.000.000 đồng; trong đó:

- Chi phí đền bù GPMB	:	107.780.000.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	198.459.000.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	3.448.461.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	11.065.301.000	đồng;
- Chi phí khác	:	1.565.219.000	đồng;
- Chi phí dự phòng		31.973.937.000	đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Tiến độ thực hiện và phân kỳ đầu tư:

11.1. Tiến độ thực hiện: năm 2025 - 2028.

11.2. Phân kỳ đầu tư:

a) Giai đoạn 1: Năm 2025-2027.

- Các hạng mục đầu tư: (1) Khu trưng bày khảo cổ Điện Hoàng Nguyên; (2) Tu bổ, phục hồi Hào thành phía Nam (gồm cả Vệ thành); (3) Tu bổ, phục hồi đường Hoàng Gia; (4) Tu bổ, chống thấm Cổng Nam; (5) Đường giao thông nội bộ; (6) Cây xanh cảnh quan, điện chiếu sáng và hạ tầng kỹ thuật.

b) Giai đoạn 2: Năm 2027 - 2028.

- Các hạng mục đầu tư: (7) Phục hồi, tôn tạo Đông Thái Miếu; (8) Phục hồi, tôn tạo Tây Thái Miếu; (9) Phục hồi cầu Nam Thành.

12. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh (theo Nghị quyết số 325/NQ-HĐND ngày 19/11/2022 của HĐND tỉnh).

13. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa).

14. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7426/TTr-SXD ngày 28/8/2025.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình và di sản văn hóa, đảm bảo chất lượng và hoàn thành dự án theo quy định.

2. Giao UBND xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hoá tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư thuộc địa bàn xã quản lý theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Văn hóa, thể thao và Du lịch; Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c) ;
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh ;
- Lưu: VT, THĐT, CNXDKH, KTTC, VHXL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (giai đoạn 1)
Dự án: Bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình
thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ, huyện
Vĩnh Lộc (giai đoạn 1 thuộc Nhóm dự án số 3)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng.

STT	TÊN CHI PHÍ	CÔNG THỨC	TMĐT
A	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TĐC	G_{BT,TĐC}	107.780.000.000
1	Chi phí bồi thường đất ở		12.680.000.000
2	Chi phí bồi thường đất sản xuất nông nghiệp		95.100.000.000
B	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G_{XD}	198.459.000.000
1	Khu trưng bày khảo cổ điện Hoàng Nguyên	Bảng đơn giá tổng hợp	18.651.000.000
2	Tu bổ, phục hồi Hào thành phía Nam	Bảng đơn giá tổng hợp	108.507.000.000
3	Tu bổ, phục hồi đường Hoàng Gia	Bảng đơn giá tổng hợp	17.410.000.000
4	Tu bổ, chống thấm Công Nam	Bảng đơn giá tổng hợp	4.335.000.000
5	Đường giao thông nội bộ	Bảng đơn giá tổng hợp	22.937.000.000
6	Cây xanh, cảnh quan; Điện chiếu sáng và hạ tầng kỹ thuật	Bảng đơn giá tổng hợp	26.619.000.000
C	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G_{qlđt}	3.448.461.000
1	Chi phí quản lý dự án đầu tư	$G_{XD}^* \quad 1,580\%$	3.448.460.975
D	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XD	GTVĐT	11.065.301.000
1	Chi phí khảo sát địa hình; địa chất; khảo sát sơ bộ điều tra, chụp ảnh, sưu tầm tài liệu LSVH, đo vẽ ghi hiện trạng kiến trúc cảnh quan di tích phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi + lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	(a+b+c+d)	1.868.604.461
a	Khảo sát sơ bộ điều tra, chụp ảnh, sưu tầm tài liệu LSVH, đo vẽ ghi hiện trạng kiến trúc cảnh quan di tích phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng		336.500.000
b	Chi phí khảo sát địa hình phục vụ bước lập dự án đầu tư xây dựng		262.481.156
c	Chi phí khảo sát địa chất phục vụ bước lập dự án đầu tư xây dựng		444.804.053
d	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng		824.819.252
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	nt	42.502.934
3	Chi phí thẩm tra thiết kế cơ sở	nt	35.676.766
4	Chi phí thẩm tra tổng mức đầu tư và các nội dung còn lại của dự án	nt	66.256.852
5	Chi phí thẩm tra chi phí chuẩn bị đầu tư	nt	64.161.000

6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	nt	18.695.000
7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, Kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	nt	3.087.594
8	Khảo sát chi tiết điều tra, chụp ảnh, sưu tầm tài liệu LSVH, đo vẽ ghi hiện trạng kiến trúc cảnh quan di tích phục vụ thiết kế bản vẽ thi công	Dự toán chi tiết	187.000.000
9	Chi phí hội nghị, hội thảo khoa học xin ý kiến các nhà khoa học, các bộ ngành, cơ quan quản lý trong quá trình thiết kế BVTC	Dự toán chi tiết	154.000.000
10	Chi phí khảo sát địa hình giai đoạn thiết kế BVTC	Tạm tính	330.000.000
11	Chi phí khảo sát địa chất giai đoạn thiết kế BVTC		
12	Chi phí thiết kế BVTC + dự toán		4.680.088.301
a	Công trình tu bổ di tích	$G_{XD1+XD2+XD3+XD4} * 1,3^*$	2,105% 4.075.212.418
b	Công trình giao thông	G_{XD5}^*	0,988% 226.531.421
c	Công trình hạ tầng kỹ thuật	G_{XD6}^*	1,421% 378.344.462
13	Chi phí hội nghị, hội thảo khoa học xin ý kiến các nhà khoa học, các bộ ngành, cơ quan quản lý trong quá trình thi công xây dựng	Tạm tính	154.000.000
14	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	G_{XD}^*	0,087% 173.477.372
15	Chi phí thẩm tra dự toán	G_{XD}^*	0,082% 162.620.600
16	Chi phí giám sát thi công xây dựng	G_{XD}^*	1,251% 2.483.084.597
17	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn khảo sát, hội thảo, lập thiết kế BVTC	$G_{vtkbvtc}^*$	0,249% 13.310.970
18	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, hội thảo, lập thiết kế BVTC	$G_{vtkbvtc}^*$	0,200% 9.729.251
19	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	G_{XD}^*	0,088% 173.841.226
20	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	Tối đa	120.000.000
21	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn giám sát	G_{tvgs}^*	0,491% 12.197.701
22	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát	G_{tvgs}^*	0,200% 4.966.169
23	Chi phí thẩm định giá	Tạm tính	88.000.000
24	Chi phí dịch thuật hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi	Tạm tính	33.000.000

25	Chi phí dịch thuật hồ sơ thiết kế BVTC	Tạm tính	88.000.000
26	Chi phí các công việc tư vấn khác	Tạm tính	99.000.000
E	CHI PHÍ KHÁC	G_{PK}	1.565.219.000
1	Phí thẩm định dự án	$TMDT*50\%*50\%*150\%$ 0,006%	8.137.235
2	Phí thẩm định thiết kế BVTC	$G_{XD}*50\%$ 0,053%	52.241.671
3	Phí thẩm định dự toán	$G_{XD}*50\%$ 0,049%	48.447.619
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	$TMDT*50\%*$ 0,113%	199.992.442
5	Chi phí kiểm toán	$TMDT*$ 0,163%	576.015.645
6	Bảo hiểm công trình	$G_{XD}*$ 0,080%	158.767.200
7	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	$G_{gs}*$ 20,00%	496.616.919
8	Chi phí các công việc khác		25.000.000
F	DỰ PHÒNG PHÍ: G_{DP}	G_{DP}	31.973.937.000
1	Chi phí dự phòng phát sinh	$(A+B+C+D+E)*$ 6,20%	19.983.714.822
2	Chi phí dự phòng trượt giá	Bảng tính trượt giá	11.990.221.741
	TỔNG CỘNG & LÀM TRÒN	(A+B+C+D+E+F)	354.292.000.000